TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1651/2025/DS-ST
Ngày: 25-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thư;

2. Bà Võ Phương Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Mai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 429/2025/TLST- DS ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 312/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT; Địa chỉ: số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường VTS, Quận B, Thành phố H (nay là phường XH, Thành phố H). Người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Huy H, theo Giấy uỷ quyền số 8931/2024/UQ-TGĐ ngày 05/12/2024;

2. Bị đơn: Ông Phùng Quang P, sinh năm: 1963; Địa chỉ: thường trú:131/2 đường An Bình, phường AĐ, Thành phố H (số cũ: 131/2 đường An Bình, Phường S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh); tạm trú: 184/23/6A Lê Đình C, phường TT, Thành phố H (số cũ: 184/23/6A Lê Đình Cẩn, phường TT, quận BT, Thành phố H).

Ông Nguyễn Huy H có đơn xin vắng mặt, ông Phùng Quang P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp cho Toà án, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Huy H trình bày: Ngày 28/07/2011 ông P có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 80.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 786.665.341 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 926.036.539 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/09/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ ông Phùng Quang P còn thiếu tại thời điểm này là 93.248.300 đồng sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 25/9/2025, ông P còn nợ tổng số tiền 226.108.708 đồng, trong đó: nợ gốc: 93.248.300 đồng; lãi quá hạn: 132.860.408 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 93.248.300 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (2.6% x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Do đó, Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT yêu cầu Toà án: Buộc ông Phùng Quang P phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2025 là 226.108.708 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu một trăm lẻ tám nghìn bảy trăm lẻ tám) đồng trong đó: nợ gốc: 93.248.300 đồng (chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm) đồng; lãi quá hạn: 132.860.408 (một trăm ba mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi nghìn bốn trăm lẻ tám) đồng, yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông Phùng Quang P trả nợ vì khi ký hợp đồng tín dụng Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT chỉ ký hợp đồng với cá nhân ông Phùng Quang P, ngoài ra Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT không yêu cầu ai khác phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên. Ngoài ra, ông Phùng Quang P không thế chấp bất kì giấy tờ gì cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT, Ngân hàng cũng không giữ bản chính giấy tờ gì của ông Phùng Quang P.

Bị đơn ông Phùng Quang P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng ông Phùng Quang P vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án ý kiến trình bày của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và xin được vắng mặt.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định về thụ lý, thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 196, 204, 205, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử tuân thủ đúng quy định tại Khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự đều không nộp thêm chứng cứ mới cho Tòa án và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT và ông Phùng Quang P là quan hệ hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân với mục đích vay là tiêu dùng cho cá nhân được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phùng Quang P có nơi cư trú tại phường TT, Thành phố H, theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng: do cá nhân ông Phùng Quang P giao dịch với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT, nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu ông Phùng Quang P trả tiền, ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm trả khoản nợ trên. Ông Phùng Quang P không có yêu cầu gì và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét trách nhiệm trả nợ của cá nhân ông Phùng Quang P đối với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT.

Ông Nguyễn Huy H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, ông Phùng Quang P là bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Bị đơn ông Phùng Quang P đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo tài liệu do nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT cung cấp thì: Ngày 28/07/2011 ông P có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 80.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 786.665.341 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 926.036.539 đồng. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 26/09/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ ông Phùng Quang P còn thiếu tại thời điểm này là 93.248.300 đồng sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 25/9/2025, ông Phùng Quang P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 226.108.708 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu một trăm lẻ tám nghìn bảy trăm lẻ tám) đồng trong đó: nợ gốc: 93.248.300 đồng (chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm) đồng; lãi quá hạn: 132.860.408 (một trăm ba mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi nghìn bốn trăm lẻ tám) đồng. Ngân hàng yêu cầu ông Phùng Quang P trả số tiền nợ trên một lần ngày sau khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu ông Phùng Quang P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Xét thấy, việc ký kết hợp đồng tín dụng vay tiền giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thoả thuận trong hợp đồng không trái quy định của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng tín dụng giữa các bên có hiệu

lực và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Phùng Quang P không trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận nên đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, căn cứ Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu trả lãi: Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT tính lãi quá hạn dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/7/2011 và Điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT; thỏa thuận này phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của tổ chức tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[2.3]. Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán trong một thời gian dài nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền trên cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.4]. Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí dân sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phùng Quang P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010 của Quốc Hội);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT:

1.1. Buộc ông Phùng Quang P phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền nợ là 226.108.708 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu một trăm lẻ tám nghìn bảy trăm lẻ tám) đồng trong đó: nợ gốc: 93.248.300 đồng (chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm) đồng; lãi quá hạn: 132.860.408

(một trăm ba mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi nghìn bốn trăm lẻ tám) đồng; trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 26/9/2025 trở đi cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/7/2011 và Điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phùng Quang P phải nộp 11.305.435 (mười một triệu ba trăm lẻ năm nghìn bốn trăm ba mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí là 4.728.392 (bốn triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn ba trăm chín mươi hai) đồng theo biên lai số 0061109 ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các đương sự thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND KV 9 – TP.HCM;
- THADS – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nga